

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình
sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-TTHĐ ngày 04/12/2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 34/TTr-SNN ngày 29/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1).

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Hưng Yên.

3. Nhà thầu lập dự án: Công ty cổ phần xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Kỹ sư Đặng Đức Cường.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng dự án cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm La Tiến bảo đảm dẫn tiêu nước cho 5.157ha, cấp nguồn nước tưới cho 3.324ha đất canh tác thuộc 08 xã, huyện Phù Cừ (xã Tổng Phan, Nhật Quang, Đình Cao, Tiên Tiến, Minh Tiến, Tam Đa, Nguyên Hòa, Tổng Trân) và 02 xã phía Nam huyện Tiên Lữ (xã Minh Phương, Cương Chính; đảm bảo lầy sa qua bề xã trạm bơm La Tiến để tưới cho khoảng 970ha đất canh tác; làm đường giao thông nông thôn đáp ứng nhu cầu giao thông phục vụ sản xuất của nhân dân.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Các hạng mục công trình thủy lợi:

6.1.1. Cải tạo, nạo vét sông Sậy La Tiến:

- Vị trí từ bê hút trạm bơm La Tiến đến vị trí trạm bơm (cầu) Quán Bàu với chiều dài tuyến thiết kế $L = 8,43\text{Km}$, giải pháp thiết kế cải tạo, nạo vét sông đảm bảo theo mặt cắt thiết kế, cao trình đáy sông thiết kế ở $-0,50\text{m}$, hệ số mái thiết kế $m = 1,50$ (trừ vị trí xây tường chắn đất), chiều rộng đáy sông thiết kế thay đổi theo từng đoạn (thay đổi từ $B = 4,0\text{m}$ đến $B = 10\text{m}$, trừ vị trí nối tiếp với bê hút trạm bơm La Tiến $B > 10\text{m}$).

- Kết cấu: Đối với những vị trí xây kè lát mái: Mái kè xây đá hộc vữa XMCV M100 dày 40cm, phía trong lót đá dăm $1 \times 2\text{cm}$ dày 5cm, trên mái có bố trí hệ thống ống PVC để thoát nước, chân khay đồ bê tông M150 với kích thước $70 \times 70\text{cm}$, nền móng gia cố bằng cọc tre. Đối với những vị trí xây tường chắn đất: Tường chắn đất xây bằng đá hộc vữa XMCV M100, móng đồ bê tông M150, nền móng gia cố bằng cọc tre, có bố trí thống ống PVC để thoát nước.

6.1.2. Kênh tưới và lấy nước sa trạm bơm La Tiến:

- Vị trí từ bê xả trạm bơm tưới La Tiến đến trạm bơm Trại Cá, chiều dài tuyến kênh $L = 2,73\text{Km}$, đối với vị trí kênh đã được kiên cố hóa với chiều dài $L = 733\text{m}$ (đoạn từ bê xả trạm bơm đến giáp sông Đoàn Kết) giải pháp thiết kế là cải tạo coi cao tường kênh ($\Delta h = 0,8\text{m}$), đoạn kênh còn lại đến trạm bơm Trại Cá với chiều dài $L = 2,03\text{Km}$ xây dựng kiên cố mới với mặt cắt kênh hình chữ nhật $b \times h = 1,5 \times 1,6\text{m}$ (bao gồm cả cầu máng qua sông Đoàn Kết).

- Kết cấu: Đối với đoạn kênh mặt cắt hình thang đã cứng hóa, coi cao tường kênh bằng xây đá hộc vữa XMCV M75; đối với đoạn kênh mặt cắt chữ nhật đã cứng hóa, coi cao tường kênh bằng bê tông cốt thép M200; đối với đoạn kênh còn lại kiên cố mới với kết cấu là kênh bê tông cốt thép M200.

6.1.3. Sông Hiệp Hòa:

- Vị trí từ cầu Nhật Quang (điểm giao với sông Sậy La Tiến) đến vị trí cống Chày (bờ hữu sông Nam Kè Sặt) với chiều dài tuyến thiết kế $L = 2,46\text{Km}$, giải pháp thiết kế nạo vét sông đảm bảo theo mặt cắt thiết kế, cao trình đáy sông thiết kế ở $-0,50\text{m}$, hệ số mái thiết kế $m = 1,50$ (trừ vị trí xây tường chắn đất), chiều rộng đáy sông thiết kế $B = 5,0\text{m}$.

6.2. Các hạng mục công trình giao thông:

6.2.1. Đường bờ sông Sậy La Tiến:

- Cứng hóa mặt đường bờ sông phía đối diện với đường tỉnh ĐT.386 với tổng chiều dài $L = 5,93\text{Km}$, giải pháp thiết kế đường giao thông nông thôn đảm bảo theo yêu cầu đường cấp A. Chiều rộng mặt đường $B = 3,0\text{m}$, chiều rộng lề đường mỗi bên thay đổi từ $0,5\text{m}$ đến $1,0\text{m}$.

- Kết cấu: Mặt đường đồ bê tông xi măng M250 dày 20cm, móng đường rải cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, nền đường đắp cát đen $K = 0,95$, lề đường đắp đất $K = 0,90$.

6.2.2. Đường bờ sông Hiệp Hòa:

- Cứng hóa mặt đường bờ sông phía đối diện với đường tỉnh ĐH.80 với tổng chiều dài $L = 2,08\text{Km}$, giải pháp thiết kế đường giao thông nông thôn đảm bảo theo yêu cầu đường cấp A. Chiều rộng mặt đường $B = 3,0\text{m}$, chiều rộng lề đường mỗi bên thay đổi từ $0,5\text{m}$ đến $1,0\text{m}$.

- Kết cấu: Mặt đường đổ bê tông xi măng M250 dày 20cm , móng đường rải cấp phối đá dăm loại I dày 15cm , nền đường đắp cát đen $K = 0,95$, lề đường đắp đất $K = 0,90$; Mái taluy đường hai bên bờ sông xây kè mái bằng đá học vữa XMCV M100 dày 40cm , phía trong lót đá dăm $1 \times 2\text{cm}$ dày 5cm , trên mái có bố trí hệ thống ống PVC để thoát nước, chân khay đổ bê tông M150 với kích thước $70 \times 70\text{cm}$, nền móng gia cố bằng cọc tre. Đối với những vị trí xây tường chắn đất: Tường chắn đất xây bằng đá học vữa XMCV M100, móng đổ bê tông M150, nền móng gia cố bằng cọc tre, có bố trí thống ống PVC để thoát nước.

6.2.3. Công trình trên sông: Cải tạo và xây dựng lại một số các cầu, cống qua đường đã bị hư hỏng, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu dẫn nước và giao thông, cụ thể như sau:

- Các cống trên sông Sậy La Tiên: Gồm 12 cống hộp qua đường tại các vị trí K0+377, K1+520,82, K2+380,45, K3+270, K3+959,1, K4+244, K4+311, K4+916, K5+936,4, K6+607,68, K7+334, K8+170.

- Các cống trên sông Hiệp Hòa: Gồm 02 cống hộp qua đường tại các vị trí K7+330, K8+300.

- Kết cấu: Kết cấu cống hộp bê tông cốt thép 30Mpa , nền móng gia cố bằng cọc tre.

7. Địa điểm xây dựng: các xã Liêu Xá, Tân Lập và Trung Hòa, huyện Yên Mỹ.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích đất thu hồi, dự kiến khoảng: $3,5\text{ha}$ (Chi thu hồi đất đối với những vị trí mở rộng để làm đường bê tông).

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công trình thủy lợi kết hợp làm đường giao thông.

- Cấp công trình:

+ Hạng mục công trình thủy lợi: Cấp III.

+ Hạng mục công trình giao thông: Cấp III – Đường giao thông cấp A.

10. Tổng mức đầu tư : 230.347.000.000 đồng.

(Hai trăm ba mươi tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 163.092.130.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	: 2.054.516.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 8.623.503.000 đồng.
- Chi phí khác	: 17.531.426.000 đồng.
- Chi phí GPMB (tạm tính)	: 9.000.000.000 đồng.

- Chi phí dự phòng : 30.045.236.000 đồng.
- Chi phí dự phòng : 5.581.641.000 đồng.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương.

12. Hình thức Quản lý dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực thuộc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý điều hành dự án theo quy định.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016- 2020.

* **Lưu ý:** Khi lập thiết kế Bản vẽ thi công, chủ đầu tư thực hiện một số nội dung sau:

- Khảo sát, đo vẽ trắc dọc, trắc ngang chi tiết trên tuyến, đảm bảo xác định khối lượng đào, đắp chính xác.

- Khảo sát địa chất tại các vị trí xây dựng cầu, công đảm bảo lựa chọn phương án thiết kế công phù hợp.

- Tính toán phương án tận dụng tối đa khối lượng đất đào để đắp lề đường hoặc bù mái kè, hạn chế kinh phí mua đất đắp và kinh phí vận chuyển đất đổ bãi thải.

- Kiểm tra kết cấu các hạng mục công trình (chiều dày mái kè, đường bê tông, cống...) đảm bảo ổn định và hiệu quả kinh tế xã hội; thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT chấp thuận các chỉ tiêu thiết kế chính trước khi thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình.

Điều 2: Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3: Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./cc

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^{2/1}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Quỳnh